

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-31

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Phương	Ủy viên	
Ông Phạm Bá Ngân	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Hoàng Việt	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Phan Công Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Phương	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban	
Ông Trịnh Thanh Tùng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phương

Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ được lập ngày 22 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 26/03/2020.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		69.039.399.061	236.132.099.760
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.516.019.770	13.696.547.566
111	1. Tiền		7.094.861.709	11.666.352.288
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.421.158.061	2.030.195.278
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		8.787.350.000	8.787.350.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	8.787.350.000	8.787.350.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		45.023.646.105	212.770.409.853
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	28.894.827.456	16.991.843.461
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.742.184.329	4.811.900.549
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		4.575.208.630	178.513.242.652
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.017.167.144	14.611.718.428
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.205.741.454)	(2.158.295.237)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.119.076.222	740.789.293
141	1. Hàng tồn kho		1.119.076.222	740.789.293
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.593.306.964	137.003.048
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	875.305.579	137.003.048
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		785.520.455	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	932.480.930	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		297.437.273.777	343.223.410.079
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.525.336.193	329.342.547.282
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		5.453.336.193	295.979.062.282
214	2. Phải thu nội bộ dài hạn		-	33.300.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	7	72.000.000	63.485.000
220	II. Tài sản cố định		209.208.136.860	8.114.888.674
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	204.379.494.731	8.089.688.674
222	- Nguyên giá		438.515.470.029	14.579.640.677
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(234.135.975.298)	(6.489.952.003)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.828.642.129	25.200.000
228	- Nguyên giá		8.055.335.602	252.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.226.693.473)	(226.800.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		74.252.722.837	5.237.120.330
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	74.252.722.837	5.237.120.330
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		4.497.251.573	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4	4.497.251.573	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.953.826.314	528.853.793
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.953.826.314	528.853.793
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		366.476.672.838	579.355.509.839

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

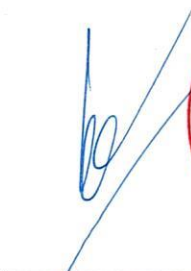
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		100.077.056.300	272.100.519.517
310	I. Nợ ngắn hạn		19.202.244.673	48.952.965.525
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	769.290.315	931.267.397
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		274.695.600	90.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	-	599.118.874
314	4. Phải trả người lao động		854.540.846	1.041.673.617
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.723.262.611	3.946.848.403
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	35.301.186.027
318	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	105.840.000	165.840.000
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	16	6.066.130.878	6.647.410.711
320	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	9.400.000.000	221.136.073
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.484.423	8.484.423
330	II. Nợ dài hạn		80.874.811.627	223.147.553.992
335	1. Phải trả nội bộ dài hạn		-	127.446.030.362
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	24.457.490.099	20.484.202.102
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	56.417.321.528	75.217.321.528
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		266.399.616.538	307.254.990.322
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	266.399.616.538	307.254.990.322
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		275.281.179.597	275.281.179.597
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		275.281.179.597	275.281.179.597
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		646.231.180	646.231.180
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(9.527.794.239)	31.327.579.545
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(25.826.002.697)	(7.880.421.861)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		16.298.208.458	39.208.001.406
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		366.476.672.838	579.355.509.839



Thái Thị Mỹ Linh
Người lập



Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc


Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021


VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Năm 2020*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	101.092.604.727	69.673.903.916
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		101.092.604.727	69.673.903.916
11	4. Giá vốn hàng bán	23	63.546.801.465	26.033.681.422
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.545.803.262	43.640.222.494
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.184.179.543	2.236.968.843
22	7. Chi phí tài chính	25	3.234.413.797	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.234.413.797	-
25	8. Chi phí bán hàng		229.096.502	221.706.962
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19.677.639.630	15.326.509.851
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.588.832.876	30.328.974.524
31	11. Thu nhập khác	27	715.474.586	8.987.522.103
32	12. Chi phí khác		6.099.004	108.495.221
40	13. Lợi nhuận khác		709.375.582	8.879.026.882
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.298.208.458	39.208.001.406
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		16.298.208.458	39.208.001.406


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập


Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc



Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

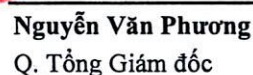
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16.298.208.458	39.208.001.406
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.490.646.851	1.138.331.239
03	- Các khoản dự phòng		(1.058.037.967)	489.704.149
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.046.691)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.183.132.852)	(2.236.968.843)
06	- Chi phí lãi vay		3.234.413.797	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		29.781.051.596	38.599.067.951
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		483.317.500.853	(43.868.313.888)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(378.286.929)	(372.804.817)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(497.188.023.538)	17.228.252.769
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.163.275.052)	(190.415.714)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.368.966.930	11.395.786.301
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.418.135.680)	(2.414.922.110)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.488.730.336	1.064.446.625
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.929.405.344)	(1.350.475.485)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	56.416.677.596
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(9.621.136.073)	(56.416.677.596)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.621.136.073)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.181.574.487)	10.045.310.816
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.696.547.566	3.651.236.750
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.046.691	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		11.516.019.770	13.696.547.566


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập


Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284.800.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 275.281.179.597 đồng; tương đương 27.528.118 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 84 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 88 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ, bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh (kho ngoại quan) và kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển, viễn dương và vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, khai thuê hải quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo các quyết định số 23/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2019 và số 134/QĐ-HĐQT ngày 22/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại mô hình tổ chức của Công ty, Công ty quyết định sáp nhập 02 chi nhánh là Chi nhánh Công ty Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui và Chi nhánh Công ty Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu về Văn phòng của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ lần lượt từ các ngày 01/01/2020 và ngày 31/10/2020. Do đó, toàn bộ các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến Cảng Cái Cui được ghi nhận tại Văn phòng Công ty dẫn đến doanh thu, chi phí tăng so với cùng năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng. Địa chỉ tại tỉnh Sóc Trăng; hoạt động kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Văn phòng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Văn phòng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 47 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	02 - 14 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.264.922.269	2.219.257.817
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.829.939.440	9.447.094.471
Các khoản tương đương tiền (*)	4.421.158.061	2.030.195.278
	<u>11.516.019.770</u>	<u>13.696.547.566</u>

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 4.421.158.061 VND được gửi tại ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam với lãi suất 3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại thời điểm cuối năm và đầu năm, số dư chỉ tiêu "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong lãi suất 5,8%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh

Tại thời điểm cuối năm, số dư chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên doanh" là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 50%. Công ty liên doanh được thành lập và hoạt động tại tỉnh Trà Vinh, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi. Tại thời điểm cuối năm và đầu năm, dự phòng giảm giá của khoản đầu tư bằng không.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THO

Số 2, KV Phú Thới, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	4.892.787.116	-	-	-
- Công ty TNHH Thạnh Phương	3.088.469.004	-	1.747.847.070	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và đầu tư Trường Sơn	2.111.551.525	-	1.378.397.670	(585.265.720)
- Công ty TNHH Duyên Hải Star	1.258.658.646	-	492.361.615	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Sơn - HG	855.149.053	(598.604.337)	-	-
- Phải thu các đối tượng khác	16.688.212.112	(4.424.675.789)	13.373.237.106	(611.058.515)
	28.894.827.456	(5.023.280.126)	16.991.843.461	(1.196.324.235)
b) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-	119.077.200	-
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)				

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng TMDV Thiên Phước	814.869.891	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Quân Đô	625.500.000	(625.500.000)	625.500.000	(625.500.000)
- Công ty Cổ phần Giải pháp Cảng và Hậu cần	331.160.000	-	403.160.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.970.654.438	(278.000.000)	3.783.240.549	(278.000.000)
	3.742.184.329	(903.500.000)	4.811.900.549	(903.500.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lợi nhuận được chia	4.292.185.443	-	4.542.185.443	-
Phải thu về lãi tiền gửi	429.753.135	-	485.350.619	-
Tạm ứng	5.961.989.349	-	3.962.673.486	-
Ký cược, ký quỹ	8.600.000	-	4.000.000	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	16.645.200	-	348.101.000	-
Công ty TNHH Thạnh Phương	968.659.911	-	1.611.535.840	-
Phải thu các đội bốc xếp	1.816.614.820	-	3.436.192.143	-
Phải thu khác	522.719.286	(278.961.328)	221.679.897	(58.471.002)
	14.017.167.144	(278.961.328)	14.611.718.428	(58.471.002)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
Phải thu khác	57.000.000	-	48.485.000	-
	72.000.000	-	63.485.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	4.308.830.643	-	4.890.286.443	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty TNHH MTV Q&D	631.331.990	-	631.331.990	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Phúc Cường	645.000.000	-	645.000.000	-
- Công ty Cổ phần Chế biến lâm sản xuất khẩu Hưng Phú	255.071.282	-	255.071.282	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Sơn - HG	855.149.053	256.544.716	-	-
- Các khoản khác	4.486.755.743	411.021.898	2.149.833.977	1.522.942.012
	6.873.308.068	667.566.614	3.681.237.249	1.522.942.012

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	90.507.907	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	285.490.162	-	-	-
Hàng hoá	743.078.153	-	740.789.293	-
	1.119.076.222	-	740.789.293	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (*)	59.433.908.642	4.944.665.784
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (**)	14.570.130.142	-
- Công trình khác	248.684.053	292.454.546
	74.252.722.837	5.237.120.330

(*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Cần Thơ;
- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230.346.967.886 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của cảng.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

() Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II**

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tối nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 829.799.174.000 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	252.000.000	252.000.000
- Điều chuyển từ chi nhánh về văn phòng	7.803.335.602	-	7.803.335.602
Số dư cuối năm	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	226.800.000	226.800.000
- Khấu hao trong năm	75.443.904	25.200.000	100.643.904
- Điều chuyển từ chi nhánh về văn phòng	2.899.249.569	-	2.899.249.569
Số dư cuối năm	2.974.693.473	252.000.000	3.226.693.473
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	25.200.000	25.200.000
Tại ngày cuối năm	4.828.642.129	-	4.828.642.129

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 252.000.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	329.600.543	61.602.271
Chi phí sửa chữa tài sản	81.199.751	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	464.505.285	75.400.777
	875.305.579	137.003.048
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.005.314.216	261.032.438
Chi phí sửa chữa tài sản	1.672.100.687	169.580.946
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.276.411.411	98.240.409
	3.953.826.314	528.853.793

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÀNG THO

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	7.019.750.001	349.738.708	7.127.951.968	34.000.000	48.200.000	14.579.640.677
- Mua trong năm	-	385.272.728	-	532.105.000	-	917.377.728
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	437.664.106	3.129.225.456	-	-	-	3.566.889.562
- Điều chuyển từ chi nhánh về Văn phòng	354.686.829.371	10.718.468.355	59.472.004.080	438.610.000	771.988.900	426.087.900.706
- Điều chuyển từ Văn phòng về chi nhánh	(1.280.307.790)	-	(5.356.030.854)	-	-	(6.636.338.644)
Số dư cuối năm	360.863.935.688	14.582.705.247	61.243.925.194	1.004.715.000	820.188.900	438.515.470.029
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.739.201.604	69.289.775	4.629.923.684	31.166.685	20.370.255	6.489.952.003
- Khấu hao trong năm	9.071.908.234	736.735.389	2.430.582.409	63.803.675	86.973.240	12.390.002.947
- Điều chuyển từ chi nhánh về Văn phòng	167.664.414.142	6.805.683.548	44.783.533.196	438.610.000	318.639.213	220.010.880.099
- Điều chuyển từ Văn phòng về chi nhánh	(665.992.579)	-	(4.088.867.172)	-	-	(4.754.859.751)
Số dư cuối năm	177.809.531.401	7.611.708.712	47.755.172.117	533.580.360	425.982.708	234.135.975.298
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	5.280.548.397	280.448.933	2.498.028.284	2.833.315	27.829.745	8.089.688.674
Tại ngày cuối năm	183.054.404.287	6.970.996.535	13.488.753.077	471.134.640	394.206.192	204.379.494.731

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.920.947.980 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.933.063.068 đồng.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Xăng dầu Nhà Bè VT	291.900.000	291.900.000	-	-
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	276.196.815	276.196.815	-	-
- Công ty TNHH PTN	100.290.960	100.290.960	-	-
- Các nhà cung cấp khác	100.902.540	100.902.540	931.267.397	931.267.397
	<u>769.290.315</u>	<u>769.290.315</u>	<u>931.267.397</u>	<u>931.267.397</u>
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>276.196.815</u>	<u>276.196.815</u>	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Số dư chỉ tiêu "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" tại thời điểm cuối năm và đầu năm là doanh thu cho thuê kho, văn phòng.

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	81.483.180	-
- Bảo hiểm y tế	229.311	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.117.486.650	51.500.000
- Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	4.500.000.000	6.165.297.279
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	366.931.737	430.613.432
	<u>6.066.130.878</u>	<u>6.647.410.711</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.199.558.200	460.684.000
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	3.234.413.797	-
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư (*)	20.023.518.102	20.023.518.102
	<u>24.457.490.099</u>	<u>20.484.202.102</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	<u>7.734.413.797</u>	<u>6.165.297.279</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

(*) Khoản phải trả này là khoản nợ còn lại liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I.

VÁN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		599.118.874		4.158.340.185		4.757.459.059		-		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		5.466.279.097		6.398.760.027		932.480.930		-	
Các loại thuế khác	-		-		60.957.256		60.957.256		-		-	
	-		599.118.874		9.685.576.538		11.217.176.342		932.480.930		-	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
- Chi phí cước vận chuyển bốc xếp	1.723.262.611		3.649.031.764	
- Chi phí khác chưa có đầy đủ hóa đơn chứng từ	-		297.816.639	
	1.723.262.611		3.946.848.403	

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

19 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	221.136.073	221.136.073	-	221.136.073	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	14.100.000.000	4.700.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	-	-	14.100.000.000	4.700.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
	221.136.073	221.136.073	14.100.000.000	4.921.136.073	9.400.000.000	9.400.000.000
b) Vay dài hạn						
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	75.217.321.528	75.217.321.528	-	9.400.000.000	65.817.321.528	65.817.321.528
	75.217.321.528	75.217.321.528	-	9.400.000.000	65.817.321.528	65.817.321.528
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(14.100.000.000)	(4.700.000.000)	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	75.217.321.528	75.217.321.528			56.417.321.528	56.417.321.528

(*) Căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh ngày 30/09/2019 ký với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, kèm theo các Văn bản nhận nợ số 01/2019 ngày 30/09/2019 và số 02/2019 ngày 30/12/2019, trong năm 2019, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã thanh toán hộ Công ty toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương, bao gồm nợ gốc là 56.416.677.596 VND và nợ lãi là 18.800.643.932 VND, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Bên cho vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, là bên liên quan có mối quan hệ là Công ty mẹ;
- + Số tiền vay: 75.217.321.528 VND;
- + Mục đích vay: Vinalines bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng Cấp tín dụng dài hạn số 03/2009/HDDTDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ngày 27/10/2009. Khoản vay này để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui - giai đoạn II".
- + Thời hạn của hợp đồng: 8 năm;
- + Lãi suất cho vay: 4,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 65.817.321.528 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 9.400.000.000 VND;
- + Số dư nợ lãi vay tại thời điểm cuối năm là 3.234.413.797 VND, toàn bộ đã quá hạn thanh toán.
- + Các biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản và quyền đòi nợ của Cảng Cần Thơ với các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc cho thuê kho, bãi, cầu cảng phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	275.281.179.597	646.231.180	(7.880.421.861)	268.046.988.916
Lãi trong năm trước	-	-	39.208.001.406	39.208.001.406
Số dư cuối năm trước	<u>275.281.179.597</u>	<u>646.231.180</u>	<u>31.327.579.545</u>	<u>307.254.990.322</u>
Số dư đầu năm nay	275.281.179.597	646.231.180	31.327.579.545	307.254.990.322
Lãi trong năm nay	-	-	16.298.208.458	16.298.208.458
Giảm khác (*)	-	-	(57.153.582.242)	(57.153.582.242)
Số dư cuối năm nay	<u>275.281.179.597</u>	<u>646.231.180</u>	<u>(9.527.794.239)</u>	<u>266.399.616.538</u>

(*) Chuyển lỗ từ 02 chi nhánh đã giải thể và sát nhập về văn phòng là chi nhánh Cảng Cái Cui và chi nhánh Cảng Hoàng Diệu

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	99,01%	272.566.179.597	99,01%	272.566.179.597
Các cổ đông khác	0,99%	2.715.000.000	0,99%	2.715.000.000
	<u>100%</u>	<u>275.281.179.597</u>	<u>100%</u>	<u>275.281.179.597</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp đầu năm	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp cuối năm	<u>275.281.179.597</u>	<u>275.281.179.597</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180
	<u>646.231.180</u>	<u>646.231.180</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Đồng đô la Mỹ (USD)	1.742,12	1.759,72

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	12.784.347.331	15.932.550.666
Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.308.257.396	53.741.353.250
	<u>101.092.604.727</u>	<u>69.673.903.916</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	<u>-</u>	<u>108.252.000</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.255.028.643	15.172.471.318
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.291.772.822	10.861.210.104
	<u>63.546.801.465</u>	<u>26.033.681.422</u>
Trong đó: Giá vốn mua từ các bên liên quan	<u>625.155.300</u>	<u>-</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	783.132.852	664.446.625
Cổ tức, lợi nhuận được chia	400.000.000	1.572.522.218
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.046.691	-
	<u>1.184.179.543</u>	<u>2.236.968.843</u>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	<u>400.000.000</u>	<u>1.572.522.218</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.234.413.797	-
	<u>3.234.413.797</u>	<u>-</u>
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	<u>3.234.413.797</u>	<u>-</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019 (trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.748.181	193.146.365
Chi phí nhân công	11.694.450.330	8.158.786.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	580.115.937	622.904.719
Thuế, phí, lệ phí	16.000.000	8.208.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.058.037.967)	489.704.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.456.621.254	1.239.303.105
Chi phí khác bằng tiền	4.869.741.895	4.614.457.501
	19.677.639.630	15.326.509.851
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan	7.363.635	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Công nợ không phải thanh toán đã đối chiếu	514.652.102	-
Thu tiền phạt	187.905.537	-
Chi phí lãi vay được miễn giảm	-	8.925.244.267
Thu nhập khác	12.916.947	62.277.836
	715.474.586	8.987.522.103

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019 (trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.115.801.283	193.146.365
Chi phí nhân công	16.445.525.596	7.694.397.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.490.646.851	1.182.183.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.328.992.913	9.628.017.683
Chi phí khác bằng tiền	9.437.028.693	7.229.090.537
	71.817.995.336	25.926.836.138

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.516.019.770	-	13.696.547.566	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.983.994.600	(5.302.241.454)	31.667.046.889	(1.254.795.237)
Các khoản cho vay	8.787.350.000	-	8.787.350.000	-
	63.287.364.370	(5.302.241.454)	54.150.944.455	(1.254.795.237)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	65.817.321.528	75.438.457.601
Phải trả người bán, phải trả khác	31.292.911.292	28.062.880.210
Chi phí phải trả	1.723.262.611	3.946.848.403
	98.833.495.431	107.448.186.214

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.516.019.770	-	-	11.516.019.770
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.609.753.146	72.000.000	-	37.681.753.146
Các khoản cho vay	8.787.350.000	-	-	8.787.350.000
	57.913.122.916	72.000.000	-	57.985.122.916
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.696.547.566	-	-	13.696.547.566
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.348.766.652	63.485.000	-	30.412.251.652
Các khoản cho vay	8.787.350.000	-	-	8.787.350.000
	52.832.664.218	63.485.000	-	52.896.149.218

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	9.400.000.000	56.417.321.528	-	65.817.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	6.835.421.193	24.457.490.099	-	31.292.911.292
Chi phí phải trả	1.723.262.611	-	-	1.723.262.611
	17.958.683.804	80.874.811.627	-	98.833.495.431
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	221.136.073	75.217.321.528	-	75.438.457.601
Phải trả người bán, phải trả khác	7.578.678.108	20.484.202.102	-	28.062.880.210
Chi phí phải trả	3.946.848.403	-	-	3.946.848.403
	11.746.662.584	95.701.523.630	-	107.448.186.214

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Công ty liên doanh
Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Phương	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Q. Tổng Giám đốc
Ông Phạm Bá Ngân	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Công Đức	Ủy viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ ngày 27/06/2020)

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 19.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	108.252.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	-	108.252.000
Mua hàng	625.155.300	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	625.155.300	-
Doanh thu hoạt động tài chính	400.000.000	1.572.522.218
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	400.000.000	1.572.522.218
Chi phí hoạt động tài chính	3.234.413.797	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	3.234.413.797	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.363.635	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	7.363.635	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	119.077.200
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	119.077.200
Phải thu khác	4.308.830.643	4.890.286.443
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	16.645.200	348.101.000
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	4.292.185.443	4.542.185.443
Phải trả người bán ngắn hạn	276.196.815	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	276.196.815	-
Phải trả khác	7.734.413.797	6.165.297.279
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	7.734.413.797	6.165.297.279

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Ông Lâm Tiến Dũng	312.000.000	312.000.000
Thu nhập của Ông Nguyễn Văn Bá	264.000.000	264.000.000
Thu nhập của Ông Nguyễn Văn Phương	288.000.000	288.000.000
Thu nhập của Ông Phạm Bá Ngân	-	-
Thu nhập của Ông Hoàng Việt	-	-
Thu nhập của Ông Tạ Khả Duy	240.000.000	240.000.000
Thu nhập của Ông Lê Tiến Công	240.000.000	240.000.000
Thu nhập của Ông Phan Công Đức	202.400.000	264.000.000

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán.

 _____ Thái Thị Mỹ Linh Người lập	 _____ Lâm Trúc Sơn Kế toán trưởng	 _____ Nguyễn Văn Phương Q. Tổng Giám đốc
---	--	---



Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021

